TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ C** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 26/2020/DS-ST
Ngày: 10-7-2020
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ C, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lương Thanh Nhàn

- Bà Trần Thị Ngọc Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thắm - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Thiện Đại - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã C, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2020/TLST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2020 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2020/QĐXXST-DS ngày 25/6/2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng D; địa chỉ trụ sở: Tháp D, số 35 V, phường T, quận K, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lê T, sinh năm: 1984; đăng ký thường trú: Số 169/21, đường Trần Đ, phường 11, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh; chức vụ: Phó phòng quản lý rủi ro Ngân hàng Thương mại Cổ phần D – Chi nhánh P; là người đại diện theo ủy quyền (Quyết định số 319/QĐ-BIDV.MP ngày 01/6/2020) – có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn T, sinh năm: 1983; địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bình Dương – vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong Đơn khởi kiện ngày 12/3/2020, lời khai trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngày 30/11/2012, Ngân hàng D (sau đâu gọi tắt là P) ký Hợp đồng tín dụng số 167/2012/CN/HĐ với ông Nguyễn T. Theo hợp đồng, Ngân hàng P cho ông T vay số tiền 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng); thời hạn vay là 36 tháng; mục đích vay: Tiêu dùng cá nhân; quan hệ bảo đảm tiền vay: Theo hình thức tín

chấp. Ngoài ra, hợp đồng còn các điều khoản thỏa thuận về lãi vay, phương thức thu hồi nợ, quyền nghĩa vụ của các bên.

Sau khi ký hợp đồng ông T đã nhận đủ số tiền vay. Tính đến hết ngày 17/02/2020, ông T đã thanh toán cho Ngân hàng P số tiền: 30.208.218 đồng, trong đó bao gồm nợ gốc: 23.900.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 6.291.065 đồng và nợ lãi quá hạn: 1.717.153 đồng. Số tiền nợ còn lại, ông T không thanh toán.

Tại Đơn khởi kiện ngày 12/3/2020, Ngân hàng P yêu cầu Tòa án buộc ông T thanh toán số nợ gốc còn lại là 6.100.000 đồng và lãi phát sinh là 5.359.340 đồng.

Tại phiên tòa, Ngân hàng P yêu cầu ông T thanh toán số tiền nợ gốc 6.100.000 đồng và nợ lãi phát sinh đến thời điểm xét xử sơ thẩm là: 5.816.840 đồng.

Ngân hàng còn yêu cầu ông Nguyễn T phải trả tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

2. Bị đơn ông Nguyễn T có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại biên bản lấy lời khai ngày 24/6/2020, ông T trình bày:

Ông T thừa nhận có ký kết Hợp đồng tín dụng số 167/2012/CN/HĐ với Ngân hàng P để vay 30.000.000 đồng. Ông T đã tiền vay và thanh toán cho Ngân hàng số tiền 30.208.218 đồng. Ông T thừa nhận còn nợ Ngân hàng nhưng hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên ông T không trả hết nợ cho Ngân hàng được.

4. Tại phiên tòa:

- Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn giữ nguyên các ý kiến đã trình bày như trên;

- Kiểm sát viên đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã C có ý kiến:

+ Về tố tụng: Việc thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ là đúng theo quy định, các đương sự và những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Các đương sự không cung cấp, bổ sung thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Nguyễn T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tại Điều 11 Hợp đồng tín dụng số 167/2012/CN/HĐ ngày 30/11/2012 các bên có thỏa thuận: "Mọi tranh chấp phát sinh... sẽ đưa ra Tòa án nhân dân huyện C để giải quyết". Căn cứ Nghị quyết số: 136/NQ-CP ngày 29/12/2013 về việc điều chỉnh địa giới hành chính huyện C để

thành lập thị xã C và điểm b khoản 1 Điều 39, Tòa án nhân dân thị xã C có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về luật áp dụng giải quyết tranh chấp:

Thời điểm các bên xác lập giao dịch là ngày 30/11/2012. Như vậy cần áp dụng pháp luật có hiệu lực ở thời điểm phát sinh sự kiện pháp lý là Bộ luật Dân sự năm 2005, Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017) và hướng dẫn tại Nghị quyết Số: 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 về áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm để làm cơ sở giải quyết vụ án.

[4] Về thời hiệu khởi kiện: Theo hợp đồng tín dụng số 167/2012/CN/HĐ ngày 30/11/2012 và Bảng kê rút vốn ngày 30/11/2012, thời hạn trả nợ cuối cùng ngày 30/11/2015". Theo quy định tại khoản 1 Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015, thời hiệu khởi kiện đã hết vào ngày 30/11/2018. Trong vụ án này, bị đơn không có văn bản yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu nên theo quy định tại khoản 2 Điều 184 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[5] Về nội dung tranh chấp:

Nguyên đơn Ngân hàng BIDV P khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc, lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng số 167/2012/CN/HĐ ngày 30/11/2012, tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm là 11.916.840 đồng.

Bị đơn thừa nhận có ký kết hợp đồng tín dụng số 167/2012/CN/HĐ ngày 30/11/2012, có nhận của Ngân hàng 30.000.000 đồng tiền vay, đến nay đã thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh là 30.208.218 đồng, số tiền nợ còn lại bị đơn không có khả năng thanh toán.

Xét thấy việc thừa nhận có ký kết hợp đồng tín dụng, có nhận khoản tiền vay và hiện còn nợ lại khoản tiền gốc của ông Thiệt là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét Hợp đồng tín dụng số 167/2012/CN/HĐ ngày 30/11/2012 được hai bên tự nguyện ký kết, mục đích và nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Do đó, thỏa thuận hợp đồng giữa hai bên có hiệu lực pháp luật và là cơ sở phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa hai bên. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 474 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Xét từng yêu cầu của nguyên đơn thì thấy:

- Về nợ gốc: Ngày 30/11/2012, ông T vay của Ngân hàng BIDV Mỹ Phước 30.000.000 đồng. Đến nay, ông T đã trả 23.900.000 đồng nợ gốc. Như vậy, đã quá thời hạn thanh toán ông T vẫn chưa thanh toán nợ gốc cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T phải trả khoản nợ gốc 6.100.000 đồng là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

- Về tiền lãi: Ngân hàng yêu cầu ông T phải trả tiền lãi trong hạn và tiền lãi quá hạn trên khoản nợ gốc 6.1000.000 đồng tính kể từ ngày quá hạn thanh toán là ngày 01/12/2015 cho đến khi thanh toán hết nợ gốc. Theo thỏa thuận tại Hợp đồng, lãi suất cho vay trong hạn là 16%/năm, lãi suất quá hạn là 150% lãi

suất trong hạn. Do chính sách điều chỉnh lãi suất cho vay của Ngân hàng Nhà nước nên Ngân hàng P đã điều chỉnh giảm lãi suất cho vay đối với ông T. Số tiền lãi Ngân hàng BIDV P yêu cầu ông T thanh toán là: 5.816.840 đồng. Ngân hàng D còn yêu cầu ông T tiếp tục trả tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết khoản nợ gốc. Xét yêu cầu về tiền lãi của nguyên đơn là phù hợp, có cơ sở chấp nhận.

Từ các nhận định trên, có cơ sở xác định tổng số tiền ông T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng P là:

- Nợ gốc: 6.100.000 đồng;

- Nợ lãi: 5.816.840 đồng.

Tổng cộng: 11.916.840 đồng..

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã C và tại phiên tòa là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Ông Nguyễn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1, Khoản 5, Điều 474 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điều 184, khoản 1 Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 6; khoản 4 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng D đối với bị đơn ông Nguyễn T về việc: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

Buộc ông Nguyễn T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng D các khoản sau:

- Nợ gốc: 6.100.000 đồng (sáu triệu, một trăm nghìn đồng);

- Nợ lãi: 5.816.840 đồng (năm triệu, tám trăm mười sáu nghìn, tám trăm bốn mươi đồng).

Tổng cộng: 11.916.840 đồng (mười một triệu, chín trăm mười sáu nghìn, tám trăm bốn mươi đồng).

Kể từ ngày 11/7/2020 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ gốc, ông Nguyễn Thanh Thiệt còn phải trả cho Ngân hàng D tiền lãi phát sinh trên dư nợ gốc theo lãi suất nợ quá hạn được quy định tại Hợp đồng tín dụng số 167/2012/CN/HĐ ngày 30/11/2012 tương ứng với số ngày quá hạn.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn T phải chịu 595.842 đồng (năm trăm chín mươi lăm nghìn, tám trăm bốn mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/00042768, ngày 20/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án sơ thẩm hoặc niêm yết bản án theo qui định.

4. Về quyền yêu cầu thi hành án dân sự:

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã C;
- Chi cục THADS thị xã C;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Xuân